

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 809/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10- 9- 2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Trọng Bình

2. Bà Phạm Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Nữ, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà, Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 92/2020/HNST ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Bích T – sinh năm 1982

HKTT: thôn B, xã P, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam

Tạm trú: số 43/6 đường T, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TPHCM

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q – sinh năm 1977

HKTT: thôn B, xã P, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam

Tạm trú: số 43/6 đường T, phường Tân Quý, quận Tân Phú, TPHCM

(Bà T và ông Q vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tăng Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, theo giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01/2006 ngày 12/4/2006.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt thường xuyên cãi vã nhau, tình cảm hai vợ chồng không hòa hợp nên cả hai đã sống ly thân khoảng một năm nay. Năm 2014 bà đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án quận Tân Phú, sau khi Tòa hòa giải bà đã rút đơn 1 lần nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Nay bà xin ly hôn cùng ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 08/11/2001 và Nguyễn Khả Hân, sinh ngày 14/02/2007. Bà yêu cầu được nuôi con chung, bà xin tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai, các lần hòa giải bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn giữa hai người là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng có cãi vã nhau, hai vợ chồng sống ly thân khoảng hai tháng nay vì vợ không đồng ý vợ chồng sống chung. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 08/11/2001 và Nguyễn Khả Hân, sinh ngày 14/02/2007.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Ông không đồng ý ly hôn nên ông không tranh chấp gì

Tại phiên tòa: Bà T có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tăng Thị Bích T về việc xin ly hôn ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khả Hân, sinh ngày 14/02/2007 cho bà Thương nuôi dưỡng, cả hai tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 08/11/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Tăng Thị Bích T yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn Q, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn hôn ông Nguyễn Văn Q có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Ông Nguyễn Văn Q đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng ông Q theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01/2006 ngày 12/4/2006 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Tăng Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Tăng Thị Bích T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau về mọi mặt thường xuyên cãi vã nhau, tình cảm hai vợ chồng không hòa hợp nên cả hai đã sống ly thân khoảng một năm nay Năm 2014 bà đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án quận Tân Phú, sau khi Tòa hòa giải bà đã rút đơn 1 lần nhưng ông Q vẫn không thay đổi.

Ông Nguyễn Văn Q cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc, đôi khi có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nên vợ chồng có cãi vã nhau, hai vợ chồng sống ly thân khoảng hai tháng nay vì vợ không đồng ý vợ chồng sống chung. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông thương vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông Q là thực tế có xảy ra vì cả hai đều thừa nhận. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt thể hiện ông Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông Q đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19, theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung*: Hai bên xác nhận cả hai có 02 con chung là Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 08/11/2001 và Nguyễn Khả Hân, sinh ngày 14/02/2007. Bà T yêu cầu được nuôi con chung, bà xin tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con. Ông Q không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy con chung tên là Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 08/11/2001 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Riêng trẻ Nguyễn Khả Hân, sinh ngày 14/02/2007, trẻ là bé gái và có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao trẻ Hân cho bà T nuôi dưỡng, bà T và ông Q tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Hai bên xác định không có nên không xem xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự*: Hai bên xác định không có nên không xem xét.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Tăng Thị Bích T phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Tăng Thị Bích T

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01/2006 ngày 12/4/2006 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Tăng Thị Bích T được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khả Hân, sinh ngày 14/02/2007, cả hai tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Văn Khánh, sinh ngày 08/11/2001 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông Q hoặc bà T, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không xem xét.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) buộc bà Tăng Thị Bích T phải nộp, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020545 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND xã Quế Phước, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Thành